

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PL
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2019/HSST
Ngày 26 tháng 11 năm 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PL, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Quang Khang**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Nguyễn Hồng Lành.**

Bà **Dương Thị Tú Phương.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Danh Văn An** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh Bạc Liêu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Yến Phi** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 40/2019/TLST-HS ngày 07 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2019/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Bị cáo: **LÊ VĂN V**, sinh năm 1976; Nơi sinh: huyện PL, tỉnh Bạc Liêu.

Nơi ĐKNKTT: ấp PT, xã PL, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Nay, sinh năm 1956 và bà Cao Thị Hưng, sinh năm 1955; bị cáo có vợ tên Lâm Thị Hồng Thực, sinh năm 1984 (đã ly hôn) và 01 người con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không có; Nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 12/1997/HSST ngày 03/7/1997 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu xử phạt 06 tháng tù về tội gây rối trật tự công cộng; bản án số 28/2009/HSST ngày 15/6/2009 của Tòa án nhân dân huyện PL xử phạt 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/9/2019 đến nay (có mặt).

- Bị hại: **Trần Văn L**, sinh năm 1973; **Lâm Kim B**, sinh năm 1975

Cùng cư trú: ấp Phước Thành, xã PL, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu.

(anh **Trần Văn L** ủy quyền cho chị **Lâm Kim B** tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 20/9/2019, chị **B** có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 01/2019, bà **Lâm Kim B** cùng chồng là **Trần Văn L** có mở đại lý vé số kiến thiết (đại lý cấp 2) tại nhà thuộc ấp Phước Thành, xã PL,

huyện PL, tỉnh Bạc Liêu và thuê Lê Văn V ngụ cùng ấp, hằng ngày đi nhận vé số kiến thiết mới, đổi vé số kiến thiết trúng thưởng và trả vé số kiến thiết thừa tại đại lý vé số kiến thiết Ngọc Quang, đường Trần Phú, Phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 04/02/2019, bà Lâm Kim B giao cho Lê Văn V số tiền 70.000.000 đồng để lấy vé số kiến thiết mới, đưa vé số trúng thưởng (không nhớ bao nhiêu tờ, của đài nào và loại vé số gì) đổi lấy tiền trúng thưởng bằng 7.100.000 đồng và đưa 224 tờ vé số kiến thiết bán thừa trong ngày để Lê Văn V đổi lấy vé số kiến thiết mới, tương đương số tiền 1.940.000 đồng. Cùng ngày bà Lâm Kim B giao cho Lê Văn V 232 tờ vé số kiến thiết, tương đương số tiền 2.064.000 đồng để Lê Văn V bán kiếm lời.

Sau khi nhận 70.000.000 đồng và vé số kiến thiết của bà Lâm Kim B thì Lê Văn V đem đổi vé số trúng thưởng được 7.100.000 đồng, còn vé số bán thừa Lê Văn V không đổi ra vé số kiến thiết mới theo yêu cầu của bà B mà để dỏ (224 tờ vé số kiến thiết bán thừa trong ngày và 232 tờ vé số kiến thiết giao bị cáo đi bán). Qua đó, chiếm đoạt tiền và vé số kiến thiết của bà Lâm Kim B có tổng giá trị là 81.104.000 đồng. Sau đó, Lê Văn V tắt nguồn điện thoại, bỏ trốn lên thành phố Cần Thơ chi xài hết số tiền trên. Đến ngày 17/4/2019, bà Lâm Kim B làm đơn tố giác hành vi của Lê Văn V. Ngày 26/8/2019 bị cáo đến Công an huyện PL đầu thú.

Cáo trạng số 32/CT-VKSPL, ngày 07/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện PL đã truy tố Lê Văn V về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự;

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL vẫn giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố và đề nghị: Tuyên bố bị cáo Lê Văn V phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”; áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn V mức án từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự buộc bị cáo Lê Văn V có nghĩa vụ trả cho bà Lâm Kim B và Trần Văn L số tiền 78.104.000 đồng.

Tại phiên tòa bị hại yêu cầu xử phạt bị cáo mức án thấp hơn mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị. Về mức bồi thường thì bị hại đồng ý với quan điểm đề xuất của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện PL, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện PL, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn V thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp lời khai của bị hại cùng chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có căn cứ chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Vào ngày 04/02/2019, bị cáo Lê Văn V đã nhận tiền và vé số kiến thiết của Lâm Kim B và Trần Văn L có giá trị thành tiền là 81.104.000 đồng. Sau đó, bị cáo đã bỏ trốn khỏi địa phương với mục đích chiếm đoạt tài sản của Lâm Kim B và Trần Văn L.

[3] Xét thấy, bị cáo Lê Văn V được bị hại Lâm Kim B giao tài sản hợp pháp, trước và trong khi nhận tài sản bị cáo hoàn toàn không có mục đích chiếm đoạt tài sản của bị hại. Tuy nhiên, vì mục đích vụ lợi cá nhân bị cáo Lê Văn V đã lợi dụng sự tin tưởng của bị hại trong việc giao tài sản rồi bỏ trốn nhằm chiếm đoạt tài sản của bị hại. Hành vi của bị cáo Lê Văn V là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, đủ yếu tố cấu thành tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo Điều 175 Bộ luật hình sự.

[4] Tuy nhiên, số tiền bị cáo Lê Văn V chiếm đoạt của bị hại lên đến 81.104.000 đồng. Do đó, bị cáo Lê Văn V phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” với tình tiết định khung tăng nặng “Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự. Cần phải được xử phạt nghiêm theo tội danh và hình phạt mà điều luật đã quy định, đồng thời cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục bị cáo cũng như có tác dụng phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

[5] Bị cáo Lê Văn V không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo đã khắc phục được một phần hậu quả mà bị cáo đã gây ra cho bị hại với số tiền 3.000.000 đồng, thành khẩn khai báo, tại phiên tòa bị cáo thể hiện sự ăn năn hối cải. Bị cáo đã đến cơ quan Công an đầu thú; đồng thời, bị hại có đơn bãi nại và yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt bị truy tố là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã khắc phục cho bị hại số tiền 3.000.000 đồng. Do đó, buộc bị cáo Lê Văn V phải có nghĩa vụ tiếp tục bồi thường cho bị hại Lâm Kim B và Trần Văn L với số tiền là 78.104.000 đồng.

[7] Bị cáo Lê Văn V phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố bị cáo Lê Văn V, phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”

2/ Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn V 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 13/9/2019.

3/ Về trách nhiệm dân sự, căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự: Buộc bị cáo Lê Văn V có nghĩa vụ trả cho bị hại Lâm Kim B và Trần Văn L số tiền 78.104.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4/ Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Lê Văn V phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 3.905.200 đồng án phí dân sự có giá ngạch.

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện PL; VKSND tỉnh BL;
- Sở tư pháp tỉnh Bạc Liêu;
- CCTHADS huyện PL;
- NTG-CA huyện PL
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu.

Trần Quang Khang